BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: 06/VBHN-BGTVT	*Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2014*

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN CỦA ĐƯỜNG BỘ; LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE BÁNH XÍCH TRÊN ĐƯỜNG BỘ; VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG; GIỚI HẠN XẾP HÀNG HÓA TRÊN PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ KHI THAM GIA GIAO THÔNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2010 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT ngày 22 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

Thông tư số 65/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; công bố tải trọng, khổ giới hạn của quốc lộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2014.

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; công bố tải trọng, khổ giới hạn của quốc lộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ như sau:1

Chương 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; công bố tải trọng, khổ giới hạn của quốc lộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến công bố tải trọng, khổ giới hạn của quốc lộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổng trọng lượng của xe gồm trọng lượng bản thân xe cộng với trọng lượng hàng hóa xếp trên xe (nếu có).

2. Tải trọng trục xe là tổng trọng lượng của xe phân bố trên mỗi trục xe (trục đơn, cụm trục kép, cụm trục ba).

3. Kích thước tối đa cho phép của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ là kích thước bao ngoài giới hạn về chiều rộng, chiều cao, chiều dài của xe kể cả hàng hóa xếp trên xe (nếu có) được phép tham gia giao thông trên đường bộ.

4. Xe bánh xích là loại xe máy chuyên dùng tự hành di chuyển bằng bánh xích, khi tham gia giao thông trên đường bộ, răng bánh xích có thể gây hư hỏng mặt đường, lề đường.

5. Tổ hợp xe với rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc là một xe kéo một rơ moóc hoặc sự kết hợp một xe đầu kéo với một sơ mi rơ moóc.

6. Hàng không thể tháo rời (chia nhỏ) là hàng dạng kiện còn nguyên kẹp chì, niêm phong của cơ quan Hải quan, An ninh, Quốc phòng hoặc là tổ hợp cấu kiện, thiết bị máy móc nếu tháo rời, chia nhỏ sẽ bị hư hỏng hoặc thay đổi công năng.

7. Chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký phương tiện.

Chương 2.

QUY ĐỊNH VỀ TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN CỦA ĐƯỜNG BỘ; CÔNG BỐ TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN CỦA QUỐC LỘ

Điều 4. Tải trọng của đường bộ

1. Tải trọng của đường bộ là khả năng chịu tải khai thác của cầu và đường để đảm bảo tuổi thọ công trình theo thiết kế.

2. Khả năng chịu tải khai thác của cầu được xác định theo hồ sơ thiết kế cầu và tình trạng kỹ thuật thực tế của cầu, được cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc được thể hiện bằng biển báo hiệu "hạn chế trọng lượng xe".

3. Khả năng chịu tải khai thác của đường được xác định theo hồ sơ thiết kế mặt đường và tình trạng kỹ thuật thực tế của đường, được cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc được thể hiện bằng biển báo hiệu "hạn chế trọng lượng trên trục xe".

Điều 5. Khổ giới hạn của đường bộ

1. Khổ giới hạn của đường bộ là khoảng trống có kích thước giới hạn về chiều cao, chiều rộng của đường, cầu, bến phà, hầm đường bộ để các xe, kể cả hàng hóa xếp trên xe, đi qua được an toàn.

2. Khổ giới hạn về chiều cao của đường bộ là 4,75 mét đối với đường cao tốc, đường cấp I, II, III; 4,5 mét đối với đường cấp IV trở xuống;

3. Khổ giới hạn về chiều rộng của đường bộ là giới hạn chiều rộng làn xe, phụ thuộc vào cấp kỹ thuật của đường bộ và địa hình xây dựng tuyến đường.

Điều 6. Công bố tải trọng, khổ giới hạn của quốc lộ

1. Công bố tải trọng trên một số tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đã được cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới đồng bộ với tải trọng thiết kế mặt đường đối với xe tải trọng trục đơn quy ước là 10 tấn/trục, tải trọng thiết kế cầu là tải trọng đoàn xe mô phỏng theo sơ đồ tải trọng H30-XB80 hoặc tải trọng HL93 tại Phụ lục 1a kèm theo Thông tư này.

2. Công bố khổ giới hạn của quốc lộ theo cấp kỹ thuật của đường bộ và địa hình xây dựng tuyến đường tại Phụ lục 1b kèm theo Thông tư này, đối với một số tuyến, đoạn tuyến quốc lộ tại Phụ lục 1a.

3. Các cầu trên tuyến, đoạn tuyến quốc lộ công bố tại Phụ lục 1a chưa được cải tạo nâng cấp đồng bộ về tải trọng, khổ giới hạn phù hợp với tải trọng, khổ giới hạn công bố tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý đường bộ phải tổ chức đặt biển báo hiệu giới hạn tải trọng, khổ giới hạn thực tế của cầu.

Điều 7. Điều chỉnh công bố tải trọng, khổ giới hạn của quốc lộ

Hàng năm, Tổng cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm cập nhật các tuyến, đoạn tuyến quốc lộ được xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hoặc tuyến, đoạn tuyến quốc lộ bị xuống cấp do mặt đường hư hỏng hoặc tình trạng kỹ thuật của công trình trên quốc lộ không đảm bảo để công bố bổ sung hoặc điều chỉnh tải trọng, khổ giới hạn của quốc lộ đã công bố tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 của Thông tư này.

Điều 8. Lưu hành phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

1. Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thỏa mãn điều kiện về tải trọng và khổ giới hạn của đường bộ đã công bố và các quy định về giới hạn xếp hàng hóa tại Điều 16, Điều 17 và Điều 18 của Thông tư này được lưu hành trên các tuyến, đoạn tuyến quốc lộ quy định tại Phụ lục 1a.

Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khi lưu hành qua cầu có biển báo hiệu "hạn chế trọng lượng xe", khổ giới hạn thực tế của cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này phải tuân thủ biển báo hiệu "hạn chế trọng lượng xe", khổ giới hạn của cầu, tốc độ và khoảng cách an toàn giữa các phương tiện khi qua cầu.

2. Trên các tuyến, đoạn tuyến đường bộ khác ngoài danh mục được công bố tại Phụ lục 1a, chủ phương tiện, người thuê vận tải, người lái xe phải tuân thủ quy định về tải trọng, khổ giới hạn đường bộ địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố hoặc biển báo hiệu "hạn chế trọng lượng xe", khổ giới hạn cho phép của đường bộ, tốc độ, khoảng cách của các phương tiện khi lưu hành trên đường bộ và các quy định về giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

3. Trường hợp bắt buộc phải vận chuyển hàng không thể tháo rời hoặc lưu hành phương tiện có tổng trọng lượng, kích thước vượt quá tải trọng hoặc khổ giới hạn của đường bộ, chủ phương tiện, người thuê vận tải hoặc người lái xe phải đề nghị cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe trước khi đưa phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

Chương 3.

QUY ĐỊNH VỀ XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE BÁNH XÍCH LƯU HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Điều 9. Quy định về xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn được phép lưu hành trên đường bộ

1. Xe quá tải trọng của đường bộ (sau đây gọi là xe quá tải trọng) là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có tổng trọng lượng vượt quá khả năng chịu tải của cầu hoặc có tải trọng trục xe vượt quá khả năng chịu tải của đường.

2. Xe quá khổ giới hạn được phép lưu hành trên đường bộ (sau đây gọi là xe quá khổ giới hạn) là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có một trong các kích thước bao ngoài kể cả hàng hóa xếp trên xe (nếu có) vượt quá kích thước tối đa cho phép quy định cho các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

3. Xe máy chuyên dùng có tổng trọng lượng xe, tải trọng trục xe vượt quá tải trọng khai thác của đường bộ, hoặc kích thước bao ngoài vượt quá kích thước tối đa cho phép quy định cho các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ cũng được coi là xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn.

4. Ngoài các quy định trên, các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định.

Điều 10. Quy định về xe bánh xích tham gia giao thông trên đường bộ

Xe bánh xích tham gia giao thông trên đường bộ phải thực hiện các biện pháp bắt buộc như lắp guốc xích, rải tấm đan, ghi thép, hoặc biện pháp khác để bảo vệ mặt đường bộ. Trường hợp không thực hiện các biện pháp bắt buộc nêu trên, xe bánh xích phải được chở trên các phương tiện vận tải khác.

Điều 11. Lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ

1. Việc lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ phải bảo đảm an toàn giao thông và an toàn cho công trình đường bộ.

2. Tổ chức, cá nhân là chủ phương tiện, người vận tải, người thuê vận tải hoặc người lái xe khi lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ phải thực hiện các quy định sau:

a) Có giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ do cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 21 cấp. Giấy phép lưu hành xe cho từng loại xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này.

b) Tuân thủ các quy định được ghi trong giấy phép lưu hành xe.

3. Xe chở hàng hóa vượt quá tải trọng cho phép của xe theo thiết kế của nhà sản xuất hoặc vượt quá tải trọng cho phép của xe đã được cơ quan đăng kiểm kiểm định sau khi thiết kế cải tạo hoặc xe quá khổ giới hạn của đường bộ không được phép lưu hành trên đường bộ.

Chương 4.

VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Điều 12. Quy định về hàng siêu trường, siêu trọng

1. Hàng siêu trường là hàng không thể tháo rời, khi xếp lên phương tiện vận chuyển có một trong các kích thước bao ngoài (của tổ hợp phương tiện và hàng hóa xếp trên phương tiện) như sau:

a) Chiều dài lớn hơn 20,0 mét;

b) Chiều rộng lớn hơn 2,5 mét;

c) Chiều cao tính từ điểm cao nhất của mặt đường xe chạy trở lên lớn hơn 4,2 mét, đối với xe chở container, theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Thông tư này.

2. Hàng siêu trọng là hàng không thể tháo rời, có trọng lượng lớn hơn 32 tấn.

Điều 13. Phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng

Phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng là loại xe chuyên dùng được thiết kế, chế tạo để vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng có kích thước, tải trọng phù hợp với loại hàng hóa vận chuyển và phải tuân thủ theo các điều kiện quy định ghi trong giấy phép lưu hành xe.

Trong trường hợp cần thiết, phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng có thể cải tạo theo hồ sơ thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 14. Lưu hành phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ

Phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng lưu hành trên đường bộ phải thực hiện theo các quy định về lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn xe bánh xích trên đường bộ trong Chương III của Thông tư này. Giấy phép lưu hành cấp cho phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này.

Chương 5.

GIỚI HẠN XẾP HÀNG HÓA TRÊN PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ KHI THAM GIA GIAO THÔNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Điều 15. Giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ

Việc xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ phải tuân theo các quy định về tổng trọng lượng của xe, tải trọng trục xe, chiều cao, chiều rộng, chiều dài xếp hàng hóa được phép của xe tại Điều 16, Điều 17 và Điều 18 của Thông tư này và không vượt quá tải trọng thiết kế của xe được ghi trong giấy đăng ký xe;

Hàng hóa xếp trên xe phải gọn gàng, chằng buộc chắc chắn, không để rơi vãi dọc đường, không kéo lê hàng trên mặt đường và không gây cản trở cho việc điều khiển xe.

Điều 16. Tải trọng trục xe và tổng trọng lượng của xe

1. Tải trọng trục xe:

a) Trục đơn: Tải trọng trục xe ≤ 10 tấn/trục.

b) Cụm trục kép (hai trục xe), phụ thuộc vào khoảng cách (d) của hai tâm trục:

- Trường hợp d < 1,0 mét, tải trọng cụm trục xe ≤ 11 tấn;

- Trường hợp 1,0 mét ≤ d < 1,3 mét, tải trọng cụm trục xe ≤ 16 tấn;

- Trường hợp d ≥ 1,3 mét, tải trọng cụm trục xe ≤ 18 tấn.

c) Cụm trục ba (ba trục xe), phụ thuộc vào khoảng cách (d) của hai tâm trục liền kề:

- Trường hợp d ≤ 1,3 mét, tải trọng cụm trục xe ≤ 21 tấn;

- Trường hợp d > 1,3 mét, tải trọng cụm trục xe ≤ 24 tấn.

2. Tổng trọng lượng của xe:

a) Đối với xe thân liền:

- Có tổng số trục bằng hai, tổng trọng lượng của xe ≤ 16 tấn;

- Có tổng số trục bằng ba, tổng trọng lượng của xe ≤ 24 tấn;

- Có tổng số trục bằng bốn, tổng trọng lượng của xe ≤ 30 tấn;

- Có tổng số trục bằng năm hoặc lớn hơn, tổng trọng lượng của xe ≤ 34 tấn;

b) 2Đối với tổ hợp xe đầu kéo với sơ mi rơ móc:

- Có tổng số trục bằng ba, tổng trọng lượng của xe ≤ 26 tấn;

- Có tổng số trục bằng bốn, tổng trọng lượng của xe ≤ 34 tấn;

- Có tổng số trục bằng năm, tổng trọng lượng của xe ≤ 44 tấn;

- Có tổng số trục bằng sáu hoặc lớn hơn, tổng trọng lượng của xe ≤ 48 tấn.

c) Đối với tổ hợp xe thân liền kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc: Tổng trọng lượng của tổ hợp xe gồm tổng trọng lượng của xe thân liền (tương ứng với tổng trọng lượng của các xe được quy định tại điểm a khoản này) và tổng các tải trọng trục xe của rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo (tương ứng với các tải trọng trục xe được quy định tại khoản 1 Điều này), nhưng không được lớn hơn 45 tấn.

Điều 17. Chiều cao xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ

1. Đối với xe tải thùng kín (có mui), chiều cao xếp hàng hóa cho phép là chiều cao giới hạn trong phạm vi thùng xe theo thiết kế của nhà sản xuất hoặc theo thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với xe tải thùng hở (không mui), hàng hóa xếp trên xe vượt quá chiều cao của thùng xe (theo thiết kế của nhà sản xuất hoặc theo thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) phải được chằng buộc, kê, chèn chắc chắn đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông trên đường bộ. Chiều cao xếp hàng hóa cho phép không vượt quá chiều cao quy định dưới đây, tính từ điểm cao nhất của mặt đường xe chạy trở lên:

a) Xe có tải trọng thiết kế chở hàng từ 5 tấn trở lên (ghi trong giấy đăng ký xe). Chiều cao xếp hàng hóa không quá 4,2 mét;

b) Xe có tải trọng thiết kế chở hàng từ 2,5 tấn đến dưới 5 tấn (ghi trong giấy đăng ký xe): Chiều cao xếp hàng hóa không quá 3,5 mét;

c) Xe có tải trọng thiết kế chở hàng dưới 2,5 tấn (ghi trong giấy đăng ký xe): Chiều cao xếp hàng hóa không quá 2,8 mét.

3.3 Xe chuyên dùng và xe chở container: Chiều cao xếp hàng hóa tính từ điểm cao nhất của mặt đường xe chạy trở lên không quá 4,35 mét.

4. Trường hợp xe chở hàng rời, vật liệu xây dựng như đất, đá, cát, sỏi, than, quặng hoặc các hàng có tính chất tương tự: Chiều cao xếp hàng hóa không vượt quá chiều cao của thùng xe theo thiết kế của nhà sản xuất hoặc theo thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 18. Chiều rộng và chiều dài xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ

1. Chiều rộng xếp hàng hóa cho phép trên phương tiện giao thông cơ giới đường bộ là chiều rộng của thùng xe theo thiết kế của nhà sản xuất hoặc theo thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chiều dài xếp hàng hóa cho phép trên phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không được lớn hơn 1,1 lần chiều dài toàn bộ xe theo thiết kế của nhà sản xuất hoặc theo thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và không lớn hơn 20,0 mét. Khi chở hàng hóa có chiều dài lớn hơn chiều dài của thùng xe phải có báo hiệu theo quy định và phải được chằng buộc chắc chắn, đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông trên đường bộ.

3. Xe chở khách không được phép xếp hàng hóa, hành lý nhô ra quá kích thước bao ngoài của xe.

4. Xe mô tô, xe gắn máy không được xếp hàng hóa, hành lý vượt quá bề rộng giá đèo hàng theo thiết kế của nhà sản xuất về mỗi bên 0,30 mét, vượt quá phía sau giá đèo hàng là 0,50 mét. Chiều cao xếp hàng hóa tính từ mặt đường xe chạy là 2,0 mét.

5. Xe thô sơ không được xếp hàng hóa vượt phía trước và phía sau quá 1/3 chiều dài thân xe; không được vượt quá 0,4m về mỗi bên bánh xe, không vượt phía trước và phía sau xe quá 1,0 mét.

Chương 6.

CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE BÁNH XÍCH, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Điều 19. Quy định chung về cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

1. Chỉ cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên các đoạn, tuyến đường bộ cụ thể và trong những trường hợp đặc biệt, khi không còn phương án vận chuyển nào khác phù hợp hơn hoặc không thể sử dụng chủng loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khác phù hợp hơn để vận chuyển trên đoạn, tuyến đường bộ đó.

2. Không cấp giấy phép lưu hành cho xe quá khổ giới hạn đối với trường hợp chở hàng hóa có thể tháo rời (chia nhỏ) hoặc xe bánh xích không thực hiện các biện pháp bắt buộc khi tham gia giao thông trên đường bộ.

3. Không cấp giấy phép lưu hành xe cho tổ chức, cá nhân là chủ phương tiện, người vận tải hoặc người thuê vận tải gây ra hư hỏng công trình đường bộ do việc lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ mà chưa hoàn thành công tác sửa chữa, khắc phục hư hỏng công trình đường bộ.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe phải lựa chọn tuyến đường hợp lý nhất đối với việc cho phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên cơ sở bảo đảm an toàn vận hành cho phương tiện vận tải và an toàn cho đường bộ. Nghiêm cấm việc cấp giấy phép lưu hành

xe khi xe chở hàng hóa vượt quá tải trọng cho phép của xe theo thiết kế của nhà sản xuất hoặc vượt quá tải trọng cho phép của xe đã được cơ quan đăng kiểm kiểm định sau khi thiết kế cải tạo và được quy định trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

5. Đối với trường hợp xe quá tải trọng, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trọng vượt quá khả năng chịu tải khai thác của đường bộ mà phải gia cường đường bộ tổ chức, cá nhân là chủ phương tiện, người vận tải hoặc người thuê vận tải có nhu cầu lưu hành xe quá tải trọng, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trọng trên đường bộ phải chịu trách nhiệm chi trả các khoản chi phí khảo sát, thiết kế gia cường và thực hiện công việc gia cường, chi phí kiểm định chất lượng đường bộ đã được gia cường (nếu cần). Cơ quan có thẩm quyền chỉ được cấp giấy phép lưu hành xe sau khi đã hoàn thành công tác gia cường và có báo cáo kết quả kiểm định chất lượng công tác gia cường đường bộ (nếu có) đáp ứng khả năng chịu tải do việc lưu hành xe quá tải trọng, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trọng gây ra.

6. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép lưu hành xe:

a) Các xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn khi lưu hành không phải thực hiện các điều kiện bắt buộc như đi theo làn quy định, có xe dẫn đường, hộ tống hoặc phải gia cường đường bộ hoặc thực hiện các quy định bắt buộc về an toàn giao thông khác:

- Trường hợp lưu hành trên các đoạn, tuyến đường bộ mới cải tạo, nâng cấp đồng bộ: Thời hạn của giấy phép lưu hành xe là thời gian cho từng chuyến vận chuyển hoặc từng đợt vận chuyển nhưng không quá 60 ngày;

- Trường hợp lưu hành trên các đoạn, tuyến đường bộ chưa cải tạo, nâng cấp hoặc cải tạo, nâng cấp chưa đồng bộ: Thời hạn của giấy phép lưu hành xe là thời gian của từng chuyến vận chuyển hoặc từng đợt vận chuyển nhưng không quá 30 ngày.

b) Các xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng khi lưu hành phải thực hiện các điều kiện bắt buộc như đi theo làn quy định, có xe dẫn đường, hộ tống hoặc phải gia cường đường bộ hoặc phải thực hiện các quy định bắt buộc về an toàn giao thông khác: Thời hạn của giấy phép lưu hành xe là thời gian cho từng chuyến vận chuyển hoặc từng đợt vận chuyển nhưng không quá 30 ngày.

c) Các xe bánh xích tự di chuyển trên đường bộ: Thời hạn của giấy phép lưu hành xe là thời gian từng lượt từ nơi đi đến nơi đến.

d) Thời hạn hiệu lực của giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này phải nằm trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Trong trường hợp thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ngắn hơn thời hạn quy định tại các điểm a, b, c khoản này, thời hạn

hiệu lực của giấy phép lưu hành xe bằng thời hạn còn hiệu lực của giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Điều 20. Hồ sơ, thời hạn và trình tự cấp giấy phép lưu hành xe

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe:

a) Giấy đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ theo mẫu tại Phụ lục 4, Phụ lục 5 kèm theo Thông tư này. Kèm theo giấy đề nghị giấy phép lưu hành xe có vẽ sơ đồ xe ghi đầy đủ, chính xác các kích thước bao ngoài (nếu xe chở hàng hóa phải ghi đầy đủ, chính xác các kích thước bao ngoài khi đã xếp hàng hóa lên xe hoặc lên rơ moóc, sơ mi rơ moóc: chiều cao, chiều rộng, chiều dài), khoảng cách các trục xe, chiều dài đuôi xe.

Giấy đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe là bản chính, rõ ràng, đầy đủ, không được tẩy xóa; tổ chức, cá nhân đề nghị phải là chủ phương tiện, người vận tải hoặc người thuê vận tải. Tổ chức, cá nhân đề nghị phải ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu là tổ chức). Trường hợp giấy đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe không có dấu, người đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe phải trực tiếp đến làm thủ tục và phải xuất trình chứng minh thư nhân dân của người đề nghị.

b) Bản sao giấy đăng ký hoặc giấy đăng ký tạm thời xe, xe đầu kéo, rơ moóc, sơ mi rơ moóc (đối với phương tiện mới nhận).

c) Bảo sao các trang ghi về đặc điểm phương tiện và kết quả kiểm định gần nhất của giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực. Trường hợp phương tiện mới nhận chỉ cần bản sao tính năng kỹ thuật của xe (do nhà sản xuất gửi kèm theo xe).

d) Giấy cam kết của chủ phương tiện về quyền sở hữu phương tiện tại thời điểm đề nghị cấp giấy lưu hành xe.

Tổ chức, cá nhân đến làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe phải mang theo bản gốc hoặc bản sao có công chứng hoặc chứng thực của các bản sao nêu trên để đối chiếu.

2. Thời hạn xem xét cấp giấy phép lưu hành xe không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp phải kiểm định đường bộ nhằm xác định khả năng để quy định điều kiện tham gia giao thông hoặc gia cường đường bộ, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân có nhu cầu lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ tiến hành kiểm định hoặc gia cường đường bộ;

Thời hạn xem xét cấp giấy phép lưu hành xe không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo kết quả kiểm định hoặc báo cáo kết quả hoàn thành công tác gia cường đường bộ của tổ chức tư vấn đủ điều kiện hành nghề bảo đảm cho xe lưu hành an toàn.

3. Trình tự cấp giấy phép lưu hành xe:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ cần phải thực hiện theo trình tự sau:

- Chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp giấy lưu hành xe theo các quy định tại khoản 1 Điều này;

- Nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy lưu hành xe và nộp phí và lệ phí liên quan theo quy định của Bộ Tài chính cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy lưu hành xe;

- Tiến hành và lập báo cáo kiểm định hoặc thực hiện công tác gia cường đường bộ (nếu cần) khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe. Nộp 01 bản báo cáo kết quả kiểm định hoặc báo cáo kết quả công tác gia cường đường bộ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy lưu hành xe.

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép lưu hành xe cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 21. Thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe

1. 4Cục trưởng các Cục Quản lý đường bộ cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoạt động trên mạng lưới đường bộ trong phạm vi cả nước, trừ các xe quy định tại khoản 3 Điều 21 của Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010.

2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoạt động trên mạng lưới đường bộ trong phạm vi địa phương quản lý, trừ các xe quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp giấy phép lưu hành cho các trường hợp xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng mà khi lưu hành phải thực hiện các điều kiện bắt buộc như đi theo làn quy định có xe dẫn đường, hộ tống hoặc phải gia cường đường bộ.

Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe phải chịu trách nhiệm về việc cấp giấy phép lưu hành xe, bảo đảm đúng đối tượng, giải pháp cho lưu hành xe phù hợp với tình trạng của đường bộ, phương tiện vận tải và bảo đảm an toàn giao thông.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe có quyền đình chỉ tạm thời hoặc thu hồi giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng đối với trường hợp vi phạm các điều kiện được quy định trong giấy phép lưu hành xe hoặc gây hư hỏng công trình đường bộ mà chưa hoàn thành công tác sửa chữa, khắc phục hư hỏng công trình đường bộ.

Điều 23. Kiểm tra trọng lượng xe

1. Thiết bị dùng để kiểm tra trọng lượng xe phải được kiểm tra, kiểm định định kỳ và cấp chứng chỉ kiểm định theo quy định của pháp luật về đo lường. Thiết bị kiểm tra trọng lượng xe phải có giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực.

2. Chỉ áp dụng hình thức kiểm tra tải trọng trục xe khi không đủ điều kiện kiểm tra tổng trọng lượng của xe (trạm cân kiểm tra tải trọng). Trường hợp xe có nhiều cụm trục, lựa chọn trục xe có tải trọng lớn nhất để kiểm tra tải trọng trục xe. Tổng trọng lượng của xe được xác định bằng tổng trọng lượng các trục xe.

3. Xe được coi là xe vượt quá trọng lượng xe tối đa được phép lưu hành trên đường bộ khi vi phạm một trong hai điều kiện sau:

a) Tổng trọng lượng của xe vượt quá trọng lượng xe tối đa được phép lưu hành trên đường bộ quy định tại khoản 2 Điều 16 của Thông tư này;

b) 5Tổng trọng lượng của xe nhỏ hơn trọng lượng xe tối đa được phép lưu hành trên đường bộ, nhưng có tải trọng trục xe vượt quá 1,15 lần tải trọng trách xe tối đa được phép lưu hành trên đường bộ quy định tại khoản 1 Điều 16 của Thông tư này.

Chương 7.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN6

Điều 24. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại

1. Việc thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm quy định của Thông tư này thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Trường hợp xảy ra hư hỏng công trình đường bộ do việc lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ khi không thực hiện theo các quy định tại Thông tư này, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam thống nhất quản lý, tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện việc cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ; tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải trước ngày 31 tháng 12 hàng năm việc cấp giấy phép lưu hành xe của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 21 của Thông tư này.

2. Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Thường xuyên kiểm tra và thông báo tình hình đường bộ trong phạm vi quản lý đồng thời báo cáo Tổng cục Đường bộ Việt Nam để Tổng cục thông báo và chỉ đạo kịp thời các cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe thực hiện việc cấp phép phù hợp với khổ giới hạn, tải trọng khai thác của đường bộ;

b) Cấp giấy phép lưu hành xe theo phân cấp và định kỳ hàng quý báo cáo tình hình cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng về Tổng cục Đường bộ Việt Nam theo mẫu tại Phụ lục 6a,

Phụ lục 6b, Phụ lục 6c và Phụ lục 7 kèm theo Thông tư này để Tổng cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

3. Cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng được thu và sử dụng một phần lệ phí, cấp giấy phép lưu hành xe theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành. Bãi bỏ Quyết định số 63/2007/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc "Quy định về vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và lưu hành xe bánh xích gây hư hại mặt đường, xe quá tải trọng, quá khổ giới hạn của đường bộ trên đường bộ", Quyết định số 60/2007/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc "Quy định về giới hạn xếp hàng của xe ô tô tải tham gia giao thông trên đường bộ và công bố tải trọng của đường bộ".

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Giao thông vận tải những vướng mắc phát sinh để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Trang thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, PC.

Đinh La Thăng

PHỤ LỤC 1a

CÁC TUYẾN, ĐOẠN TUYẾN ĐƯỜNG BỘ ĐÃ ĐƯỢC CẢI TẠO NÂNG CẤP ĐỒNG BỘ

TT	Tên quốc lộ	Đoạn tuyến	Chiều dài (km)	Cấp đường
1	Quốc lộ 1	Hữu Nghị Quan đến ngã ba Pháp Vân	180	I, III
		Ngã ba Pháp Vân đến cầu Giẽ (đường tốc độ cao)	32	I
		Cầu Giẽ (Hà Nội) đến Năm Căn (Cà Mau)	2.088,7	III
2	Quốc lộ 1B	Lạng Sơn đến thị trấn Bắc Sơn (Km0+000÷Km68+000)	68	IV

3	Quốc lộ 1D	Phú Tài đến Phú Yên (Km0+000÷Km35+000)	35	III
4	Quốc lộ 2	Ngã ba Phủ Lỗ đến Hà Giang (Km0+000÷Km313+000)	313	III
5	Quốc lộ 3	Ngã ba cầu Đuống đến Bắc Kạn (Km0+000÷Km165+000)	165	III
6	Quốc lộ 5	Ngã ba cầu Chui (Gia Lâm) đến cảng Chùa Vẽ (Km0+000÷Km106+000)	106	II
7	Quốc lộ 6	Hà Nội đến Sơn La (Km9+200÷Km321+000)	311,8	III
8	Quốc lộ 8	Bãi Vọt đến cửa khẩu Cầu Treo (Km0+000÷Km85+000)	85	III
9	Quốc lộ 9	Cảng Cửa Việt đến cửa khẩu Lao Bảo (Km0+000÷Km99+000)	99	III
10	Quốc lộ 10	Ngã ba Bí Chợ đến thành phố Ninh Bình (Km0+000÷Km141+760)	141,76	III
11	Quốc lộ 14	Đoạn Ngọc Hồi (Buôn Ma Thuột) đến Chơn Thành (Km718+000÷Km988+000)	270	IV
12	Quốc lộ 14D	Cầu Giành đến cửa khẩu Nam Giang (Km0+000÷Km74+307)	74,307	III
13	Quốc lộ 18	TP. Bắc Ninh đến cửa khẩu Móng Cái (Km0+000÷Km365+000)	365	III
	Đoạn Nội Bài đến Bắc Ninh	Giao Quốc lộ 2 đến thành phố Bắc Ninh	41,5	II
14	Quốc lộ 19	Ngã ba cầu Giành đến ngã ba Phù Đổng (Km15+000÷Km152+000)	137	III
15	Quốc lộ 20	Dầu Dây (Đồng Nai) đến thành phố Đà Lạt (Km0+000÷Km268+000)	268	IV
16	Quốc lộ 21	Thị xã Sơn Tây (Hà Nội) đến Km17+300 (giao đường Láng - Hòa Lạc)	17,3	III
		Dốc Bòng Bong (Hà Nam) đến Nam Trực (Nam Định) (Km98+000÷Km155+600)	57,6	III, IV
17	Quốc lộ 22	Ngã tư An Sương đến cửa khẩu Mộc Bài (Km0+000÷Km58+600)	58,6	III
18	Quốc lộ 25	Xã Chi Ngọc đến thị trấn Chư Sê (Km69+000÷Km180+810)	111,81	III
19	Quốc lộ 27	Cầu KrôngNơ đến ngã ba Liên Khương (Lâm Đồng) (Km83+000÷Km174+000)	91	III, IV
20	Quốc lộ 32	Thị xã Sơn Tây đến đèo Khế (Km41+000÷Km146+000)	105	III
21	Quốc lộ 37	Đèo Lũng Lô đến ngã ba Cò Nòi (Km365+000÷Km464+000)	99	IV
		Ngã ba Tiền Trung đến ngã ba Sao Đỏ	22,3	III

		(Km0÷Km22+300) (QL183 cũ)		
22	Quốc lộ 38	Thành phố Bắc Ninh đến ngã ba Đồng Văn giao QL1 (Km0+000÷Km84+500)	84,5	III
23	Quốc lộ 39	Km8+350 đường tỉnh 196 đến Triều Dương (Km0+000÷Km44+000)	44	III
24	Quốc lộ 43	Ngã ba Gia Phù đến cửa khẩu Lóng Sập (Sơn La) (Km0+000÷Km105+000)	105	IV
25	Quốc lộ 46	Cửa Lò đến Đô Lương (Km0+000÷Km73+000)	73	III
26	Quốc lộ 51	Ngã ba Vũng Tàu đến Km73+600 (Km0+000÷Km73+600)	73,6	III
27	Quốc lộ 279	Huyện Bảo Yên đến Lai Châu (Km36+000÷Km201+000)	165	IV
28	Đường Láng - Hòa Lạc	Ngã tư Láng đến Ngã ba Hòa Lạc (Km0+000÷Km30+160)	30,16	III
29	Đường Dịch Vọng - Nội Bài	Ngã ba Dịch Vọng đến sân bay Nội Bài	23	I
30	Đường ra cảng Dung Quất	Km1028/QL1 đến cảng Dung Quất (Km0+000÷Km8+800)	8,8	III
31	Đường Hồ Chí Minh	Nhánh Đông: Ngã ba Hòa Lạc đến Cam Lộ Quảng Trị (Km409 ÷ Km1068)	673	IV
		Nhánh Tây: Khe Gát (Quảng Bình) đến Thạch Mỹ (Km0+000 ÷ Km495+000)	495	IV
		Thạch Mỹ đến Cảnh Tân (Km495+000 Nhánh Tây/Km1271+000 Nhánh Đông ÷ KM1512+000)	241	IV

PHỤ LỤC 1b

KHỔ GIỚI HẠN CỦA ĐƯỜNG BỘ

TT	Cấp đường		Đường cao tốc	I	II	III	IV	V	VI
1	Chiều rộng làn xe (m)	Miền núi	-	-	-	3,0	2,75	3,5	3,5
2		Đồng bằng	3,75	3,75	3,75	3,5	3,5	2,75	3,5
3	Chiều cao (m)		4,75				4,5		

PHỤ LỤC 27

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

LƯU HÀNH	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
--------	**----------**
Số: …/CĐBVN (SGTVT hoặc KQLĐB …)-GLHX	*……., ngày …. tháng …. năm ….*

GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Có giá trị đến hết ngày … tháng … năm ……

- Căn cứ Khoản 2 Điều 28 Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 của Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT ngày 22/02/2010 của Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 của Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ;

- Căn cứ Thông tư sửa đổi Thông tư số…./2013/TT-BGTVT ngày…tháng….năm…. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 2 và Phụ lục 4 của Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2013 của Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ;

- Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn của … (tên tổ chức, cá nhân đứng đơn) …. ngày …. tháng …. năm ……..,

Cho phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn trên đường bộ cụ thể như sau:

Xe (nhãn hiệu xe): …… Biển số đăng ký:

kéo sơ mi rơ moóc/rơ moóc (nhãn hiệu xe): …… Biển số đăng ký:

Của …… (tên tổ chức, cá nhân chủ xe)

Với các thông số như sau:

- Loại hàng hóa: …… Sau khi đã tháo bớt phụ kiện (nếu có):

- Kích thước toàn bộ xe sau khi xếp hàng lên xe:

+ Chiều dài: …… m;

Hàng vượt phía sau thùng xe: … m;

Hàng vượt phía trước thùng xe: …m;

+ Chiều rộng: ……m; Hàng vượt ra hai bên thùng xe: …… m;

+ Chiều cao (tính từ mặt đường trở lên): …….m.

- Tổng trọng lượng của xe và hàng hóa xếp trên xe: … tấn (trong đó trọng lượng bản thân của xe đầu kéo là ….. tấn, sơ mi rơ moóc hoặc rơ moóc là ..… tấn và hàng hóa là ….. tấn).

- Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên các trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:

+ Trục đơn: ……. tấn;

+ Trục kép: …….. tấn, khoảng cách giữa hai tâm trục, d = ……m;

+ Trục ba: …… tấn, khoảng cách giữa hai tâm trục liền kề, d = ……m.

- Nơi đi ……. (ghi cụ thể Km ……/QL (ĐT) ……, địa danh)

- Nơi đến ….. (ghi cụ thể Km …./QL (ĐT)……, địa danh)

- Các tuyến được đi: ……. (ghi đầy đủ, cụ thể tên đoạn tuyến đường bộ được đi, các vị trí chuyển hướng, các điểm khống chế từ nơi đi đến nơi đến)

Các điều kiện quy định khi lưu hành xe trên đường bộ

- Chủ phương tiện, người lái xe phải tuân thủ, chấp hành các quy định của Luật Giao thông đường bộ khi lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ nhằm đảm bảo an toàn giao thông.

- Xe phải có hệ thống hãm đủ hiệu lực (kể cả sơ mi rơ moóc hoặc rơ moóc kéo theo). Hệ thống liên kết nối xe đầu kéo với sơ mi rơ moóc hoặc rơ moóc phải chắc chắn, bảo đảm an toàn và đúng quy định của nhà sản xuất.

- Khi qua cầu, xe chạy đúng làn …….. với tốc độ …….. để tránh gây xung kích và tránh gây ra sự lệch tâm làm tăng sự ảnh hưởng của tải trọng lên hệ thống dầm mặt cầu. Nghiêm cấm dừng , đỗ phanh, hãm xe trên cầu.

- Các điều kiện quy định cần thiết bảo đảm an toàn khác

- Phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng kiểm soát giao thông trên đường.

- Khi có nhu cầu đổi lại giấy phép lưu hành mới phải nộp lại giấy này.

Lãnh đạo cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
--------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: …/CĐBVN	*……., ngày …. tháng …. năm ….*
(SGTVT hoặc KQLĐB …)-GLHX	

GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Có giá trị đến hết ngày … tháng … năm ……

- Căn cứ Khoản 2 Điều 28 Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Căn cứ Thông tư số …./2010/TT-BGTVT về quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ;

- Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ của … (tên tổ chức, cá nhân đứng đơn) … ngày … tháng …. năm …….,

Cho phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ cụ thể như sau:

Xe bánh xích (mác): …… Biển số đăng ký: ..

Của …… (tên tổ chức, cá nhân chủ xe) .....

Với các thông số như sau:

- Chiều dài: …….. m;

- Chiều rộng: ……..m;

- Chiều cao (tính từ mặt đường trở lên):…….. m;

- Trọng lượng toàn bộ của xe: ……. tấn;

- Loại bánh xích (bằng hay nhọn): .....

+ Nơi đi ….. (ghi cụ thể Km ……/QL (ĐT) ……, địa danh) .....

+ Nơi đến ….. (ghi cụ thể Km …./QL (ĐT)……, địa danh) .....

+ Các tuyến được đi: ……. (ghi đầy đủ, cụ thể tên đoạn tuyến đường bộ được đi, các vị trí chuyển hướng, các điểm khống chế từ nơi đi đến nơi đến) .....

Các điều kiện quy định khi lưu hành xe trên đường bộ

- Chủ phương tiện, người lái xe phải tuân thủ các quy định của Luật Giao thông đường bộ.

- Phải bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật của xe và phải lắp guốc cho bánh xích.

- Chạy phía bên phải của chiều đi, đúng tốc độ thiết kế của xe và không quá tốc độ quy định trên đường; nhường đường cho các phương tiện khác.

- Khi qua cầu phải đi đúng tim cầu, đi với tốc độ chậm, không dừng, đỗ trên cầu.

- ……. (các điều kiện quy định cần thiết bảo đảm an toàn khác) .....

- Phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng kiểm soát giao thông trên đường.

- Khi có nhu cầu đổi lại giấy phép lưu hành mới phải nộp lại giấy này.

Lãnh đạo cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 48

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: …… (tên Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: ……

- Địa chỉ: …… Điện thoại: ……..……

Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn với các thông số sau:

PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

- Loại xe: ……..…….....

- Nhãn hiệu xe: …… Biển số đăng ký: ……..……..……..….

- Nhãn hiệu sơ mi rơ moóc (hoặc rơ moóc): ……..……

- Biển số đăng ký của sơ mi rơ moóc (hoặc rơ moóc): ……

- Kích thước bao của xe kể cả sơ mi rơ moóc: Dài x Rộng x Cao: ……..……(m)

- Kích thước bao của rơ moóc: Dài x Rộng x Cao: ……..……(m)

- Tải trọng thiết kế của xe (hoặc xe kéo sơ mi rơ moóc): ……..……..…..... (tấn)

- Tải trọng thiết kế của rơ moóc: ……..……..……..……(tấn)

- Trọng lượng bản thân xe:.... (tấn) Trọng lượng bản thân sơmirơmoóc (rơmoóc): ……(tấn)

- Số trục của xe: …… Số trục sau của xe: …… Số trục của sơ mi rơ moóc: ……

- Số trục của rơ moóc: …… Số trục sau của rơ moóc: ……..……..…

HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN

- Loại hàng: ……..……

- Trọng lượng hàng xin chở: ……..……..…

- Chiều rộng toàn bộ xe khi xếp hàng: …….(m) Hàng vượt hai bên thùng xe: ….....(m)

- Chiều dài toàn bộ xe khi xếp hàng: …...(m) Chiều cao toàn bộ xe khi xếp hàng: …. (m)

- Hàng vượt phía trước thùng xe: ….....(m) Hàng vượt phía sau thùng xe: …….. (m)

- Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:

+ Trục đơn: …….. tấn;

+ Trục kép: …….. tấn, khoảng cách giữa hai tâm trục, d = ……m;

+ Trục ba: …… tấn, khoảng cách giữa hai tâm trục liền kề, d = ……m.

TUYẾN ĐƯỜNG VÀ THỜI GIAN VẬN CHUYỂN

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng): ……..……..…..…….....

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ ……đến ……..……

(Giấy đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe đã xếp hàng và khoảng cách giữa các trục xe, chiều dài đuôi xe)

…… , ngày …… tháng …… năm ….....
Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị
ký tên, đóng dấu

PHỤ LỤC 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: …….. (tên Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy lưu hành) …….

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: .....

- Địa chỉ: ……... Điện thoại: ……

- Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe bánh xích: .....

- Biển số đăng ký (nếu có): .....

- Trọng lượng bản thân xe: …… (tấn).

- Kích thước của xe:

+ Chiều dài: …… (m)

+ Chiều rộng: …….. (m)

+ Chiều cao: ……. (m)

- Loại xích (nhọn hoặc bằng): .....

- Chiều rộng bánh xích mỗi bên: …… (m)

- Khoảng cách giữa hai mép ngoài của bánh: …… (m)

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng): ……..

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ ..... đến .. ..

(Giấy đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe)

……, ngày … tháng … năm ……
Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị
ký tên, đóng dấu

PHỤ LỤC 6a

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE

Số: …/SGTVT (KQLĐB …)-GLHX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày …. tháng …. năm ….

BÁO CÁO CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH CHO XE QUÁ TẢI TRỌNG (KỂ CẢ XE BÁNH XÍCH)

(Tháng …… năm ……)

Kính gửi: .....

Dạng phương tiện Tuyến đường	Xe 02 trục đơn	Xe 03 trục	Xe 04 trục	Xe bánh xích	Tổ hợp xe - sơ mi rơ moóc (03	Tổ hợp xe - sơ mi rơ moóc (04	Tổ hợp xe - sơ mi rơ moóc (05	Tổ hợp xe - sơ mi rơ moóc (06	Tổng cộng	Vận chuyển hàng quá tải	Ghi chú

					trục)	trục)	trục)	trục)			
Quốc lộ …											
Đường tỉnh											
…											
Tổng cộng											

Ghi chú: - Cột ghi chú ghi cụ thể xe ứng với dạng phương tiện đã cấp có tổng trọng lượng của xe và hàng lớn nhất;

- Số lượng giấy phép lưu hành cấp cho các xe có tổng trọng lượng lớn nhất.

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 6b

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE

Số: …/SGTVT (KQLĐB …)-GLHX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày …. tháng …. năm ….

BÁO CÁO CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH CHO XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN (KỂ CẢ XE BÁNH XÍCH)

(Tháng …… năm ……)

Kính gửi: ……

Dạng phương tiện Tuyến đường	Xe 02 trục đơn	Xe 03 trục	Xe 04 trục	Xe bánh xích	Tổ hợp xe - sơ mi rơ moóc (03 trục)	Tổ hợp xe - sơ mi rơ moóc (04 trục)	Tổ hợp xe - sơ mi rơ moóc (05 trục)	Tổ hợp xe - sơ mi rơ moóc (06 trục)	Tổng cộng	Vận chuyển hàng quá khổ giới hạn	Ghi chú
Quốc lộ …											
Đường tỉnh											
…											

Tổng cộng											

Ghi chú: - Cột ghi chú ghi cụ thể xe ứng với dạng phương tiện đã cấp có kích thước xe + hàng (dài, rộng, cao) lớn nhất;

- Số lượng giấy phép lưu hành cấp cho các xe có kích thước lớn nhất.

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 6c

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: …/SGTVT (KQLĐB …)-GLHX

……., ngày …. tháng …. năm ….

BÁO CÁO CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH CHO XE QUÁ TẢI TRỌNG VÀ XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN (KỂ CẢ XE BÁNH XÍCH)

(Tháng …… năm ……)

Kính gửi: ……

Dạng phương tiện Tuyến đường	Xe 02 trục đơn	Xe 03 trục	Xe 04 trục	Xe bánh xích	Tổ hợp xe - sơ mi rơ moóc (03 trục)	Tổ hợp xe - sơ mi rơ moóc (04 trục)	Tổ hợp xe - sơ mi rơ moóc (05 trục)	Tổ hợp xe – sơ mi rơ moóc (06 trục)	Tổng cộng	Vận chuyển hàng quá tải trọng, quá khổ giới hạn	Ghi chú
Quốc lộ …											
Đường tỉnh											
…											
Tổng cộng											

Ghi chú: - Cột ghi chú ghi cụ thể xe ứng với dạng phương tiện đã cấp có:

+ Kích thước xe + hàng (dài, rộng, cao) lớn

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

nhất;

+ Tổng trọng lượng của xe và hàng lớn nhất;

- Số lượng giấy phép lưu hành cấp cho các xe có kích thước và tổng trọng lượng lớn nhất.

PHỤ LỤC 7

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: …/SGTVT (KQLĐB …)-GLHX

……., ngày …. tháng …. năm ….

BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE BÁNH XÍCH TRÊN ĐƯỜNG BỘ

(Tháng …… năm ……)

Kính gửi: ……

TT	Dạng phương tiện	Quá khổ	Quá tải	Quá tải và quá khổ giới hạn	Tổng cộng	Vận chuyển hàng quá tải trọng, quá khổ giới hạn		Ghi chú
						Ủy quyền thường xuyên	Ủy quyền theo chuyến	
1	Xe 02 trục đơn							
…	Xe … trục							
…	Xe bánh xích							
…	Tổ hợp xe 03 trục							
…	Tổ hợp xe … trục							
	Tổng cộng							

Ghi chú: - Cột ghi chú ghi cụ thể xe ứng với dạng phương tiện đã cấp có:

+ Kích thước xe + hàng (dài, rộng, cao) lớn

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

nhất;

+ Tổng trọng lượng của xe và hàng lớn nhất;

- Số lượng giấy phép lưu hành cấp cho các xe có kích thước và tổng trọng lượng lớn nhất.

1 Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải (gọi tắt là Thông tư 07/2010/TT-BGTVT) "quy định về tải trọng khổ giới hạn của đường bộ; công bố tải trọng, khổ giới hạn của quốc lộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ" như sau:"

Thông tư số 65/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; công bố tải trọng, khổ giới hạn của quốc lộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; công bố tải trọng, khổ giới hạn của quốc lộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng

hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ như sau."

2 Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2011.

3 Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2011.

4 Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 65/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BGTVT ngày 07 ngày 11 tháng 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2014.

5 Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2011.

6 Điều 2 Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2011 quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành. Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 16, khoản 3 Điều 17 và điểm b khoản 3 Điều 23 của Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; công bố tải trọng, khổ giới hạn của quốc lộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường,

siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Giao thông vận tải để nghiên cứu hướng dẫn bổ sung./.”

7 Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 65/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BGTVT ngày 07 ngày 11 tháng 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2014.

8 Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 65/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BGTVT ngày 07 ngày 11 tháng 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2014.